

Bản án số: 280/2024/HNGĐ-
ST

Ngày 27/9/2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông La Xuân Thủy.

2. Bà Lê Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Triệu Thị B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

* Bị đơn: Anh Ma Đức V, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh V vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Triệu Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị B và anh Ma Đ Viện kết hôn năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang do hai bên hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã T,

huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V chơi bời, không chịu tu trí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, con cái mọi việc đều do một mình chị gánh vác từ đó dẫn đến cãi chửi nhau, anh V đánh chị nhiều lần. Chị đã cố gắng chịu đựng và cho anh V nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh V vẫn không chịu thay đổi. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ma Đức V.

Về con chung: Có 02 con là cháu Ma Thị Bảo N, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Ma Đức Việt P, sinh ngày 24/12/2016. Ly hôn chị Triệu Thị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Ma Đức V đến Tòa án để giải quyết việc chị B yêu cầu ly hôn nhưng anh V đều không có mặt. Quá trình xác minh tại địa phương thì anh V vẫn đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của ông Ma Đức T (bố đẻ anh Ma Đức V) thì anh V và chị B đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn chị B và anh V chung sống cùng gia đình ông, cuộc sống của anh V, chị B hạnh phúc đến khoảng năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh V chơi bời, vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính nên vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau. Hiện nay anh V, chị B cùng nhau đi làm công ty ở ngoài địa phương, theo gia đình ông nắm được hai vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau, thỉnh thoảng hai vợ chồng vẫn về thăm gia đình và các con. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Ma Thị Bảo N, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Ma Đức Việt P, sinh ngày 24/12/2016, hiện nay chị B, anh V đi làm nên hai cháu đang sống cùng gia đình ông. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án gia đình ông đã thông tin cho anh V biết việc chị B xin ly hôn, anh V có quan điểm nếu phải ly hôn anh V yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, chị B là người nuôi dưỡng cháu P hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ, quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Triệu Thị B, cho chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Ma Đức V.

- Về con chung: Giao cháu Ma Thị Bảo N, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Ma Đức Việt P, sinh ngày 24/12/2016 cho chị Triệu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Đ Viện không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Triệu Thị B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Triệu Thị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Ma Đức V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Triệu Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Ma Đức V có đăng ký thường trú tại thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa chị Triệu Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ma Đức V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Triệu Thị B và anh Ma Đức V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình; tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tại thôn N, xã T, huyện C cho thấy: Anh V và chị B đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi kết hôn chung sống cùng nhau tại thôn N, xã T, huyện C cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó cả hai vợ chồng cùng nhau đi làm ăn ở ngoài địa phương. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị B, anh V thì thôn không nắm được, tuy nhiên theo chị B vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh V không chịu khó làm ăn, không quan tâm đến gia đình,

con cái và theo gia đình anh V thì nguyên nhân vợ chồng chị B phát sinh mâu thuẫn là do anh V chơi bời và vợ chồng không tin tưởng ghi ngờ nhau có quan hệ bất chính. Tòa án đã triệu tập anh V đến để làm việc tuy nhiên anh V không đến Tòa án tham gia tố tụng, không tham gia hòa giải, không có thiện chí để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị B, xử cho chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Ma Đức V.

[2.2]. Về con chung: Chị Triệu Thị B và anh Ma Đức V có 02 con chung là cháu Ma Thị Bảo N, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Ma Đức Việt P, sinh ngày 24/12/2016. Chị B có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con sau ly hôn. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu P và cháu N trình bày, các cháu không mong muốn bố mẹ ly hôn nhưng nếu bố mẹ ly hôn cháu P có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu N có nguyện vọng được ở với bố. Anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày về nguyện vọng đối với con chung. Hội đồng xét xử xét thấy rằng anh Ma Đức V hiện nay đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không có địa chỉ rõ ràng nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Ma Thị Bảo N, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Ma Đức Việt P, sinh ngày 24/12/2016 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Ma Đức V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Triệu Thị B không yêu cầu anh Ma Đức V cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Triệu Thị B xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Triệu Thị B xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Triệu Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật, anh Ma Đức V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của chị Triệu Thị B.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Triệu Thị B được ly hôn với anh Ma Đức V (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 10 ngày 18/02/2009 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Giao cháu Ma Thị Bảo N, sinh ngày 30/4/2009 và cháu Ma Đức Việt P, sinh ngày 24/12/2016 cho chị Triệu Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Ma Đ Viện không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị B phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001418906, ngày 01/7/2024 của Công ty cổ phần T1 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000542, ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành tiền án phí. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Ma Đức V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Tân Mỹ;
- Viện KSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Huệ

